

Số: 102/KH-UBND

Kon Gang, ngày 03 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
Triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã Kon Gang
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã huyện Đak Đoa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, và Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 25/7/2022 của UBND huyện Đak Đoa về việc triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Đak Đoa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã Kon Gang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2030, xã Kon Gang có ngành nông nghiệp tiên tiến, giá trị gia tăng cao, có trách nhiệm và bền vững.

- Thực hiện tái cơ cấu một số sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ mới, phù hợp trong sản xuất.

- Đổi mới tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết, phát triển thương mại - dịch vụ nhằm đẩy mạnh chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại có giá trị gia tăng cao, an toàn, bền vững có sức cạnh tranh cao trên thị trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng và xuất khẩu.

- Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho dân cư nông thôn, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt bình quân 9,8%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản phần đầu đạt bình quân 7,0-8,0%/năm. Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8,0%/năm. Tốc độ tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt bình quân khoảng 5,0%/năm.

- Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 20%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương đạt trên 20%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt trên 20%.

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5-2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp; tỷ lệ che phủ rừng chung đạt 42% (kể cả cây thân gỗ lâu năm, cây cao su, cây phân tán, cây che bóng, cây ăn quả), tăng cường chất lượng rừng.

- Tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất và tiêu thụ đạt trên 15%; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30%.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp 37,9% so với toàn ngành. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi lên 25%, ngành trồng trọt, chế biến 70%, ngành dịch vụ 5%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội phần đầu giảm còn khoảng 80%; tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 50%; trên 100% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, trong đó: duy trì, tái cấu trúc các hợp tác xã hiện có và hình thành các hợp tác mới; thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

- Tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống mới, giống chất lượng cao cho hoạt động sản xuất, phù hợp với điều kiện tự nhiên và vùng quy hoạch phát triển, nhằm tạo ra đột phá mới về năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành.

3. Định hướng đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt bình quân 10-11%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản phần đầu đạt 8-9%/năm.

- Sản phẩm nông nghiệp: sản phẩm hàng hóa được chế biến từ sản xuất nông nghiệp đạt trên 70%; giá trị sản phẩm trên cùng một đơn vị diện tích tăng gấp 1,5 lần so với năm 2025.

- Phát triển chủ thể kinh tế: Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 90%; các chủ thể kinh tế là doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh có tham gia vào các chuỗi liên kết sản xuất đạt trên 50%.

II. YÊU CẦU

- Các thành viên Ban chỉ Đạo theo lĩnh vực mình quản lý triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án, đảm bảo tính khoa học, rõ lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu Đề án đã phê duyệt; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện hàng tháng, quý, năm, giai đoạn và báo cáo đột xuất đề UBND xã chỉ đạo.

- Giao công chức Địa chính-Nông nghiệp làm đầu mối triển khai Đề án và phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo quan triển khai nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách; tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện hàng quý, hàng năm, giai đoạn và báo cáo đột xuất đề UBND xã chỉ đạo.

- Tăng cường hiệu quả phối hợp các cấp, ngành, các đơn vị trong việc huy động các nguồn lực xã hội trên địa bàn (doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã,...) xây dựng các mô hình điểm triển khai Đề án theo danh mục đã phê duyệt và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã Kon Gang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, thông qua các hình thức như: tham gia hội nghị tập huấn, tuyên truyền, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng huyện, xã, thị trấn nhằm thống nhất về quan điểm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án và Kế hoạch của huyện đến thôn. Tạo đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người nông dân, nhằm thay đổi nhận thức, tư duy, tập quán sản xuất nhỏ lẻ, sang phát triển nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, xây dựng thương hiệu, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

2. Thực hiện tái cơ cấu ngành, sản phẩm nông nghiệp theo từng lĩnh vực

2.1. Tái cơ cấu hệ thống ngành

2.1.1. Theo ba trục sản phẩm:

a. Đóng góp trực sản phẩm quốc gia: Tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa ở quy mô trung bình và lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Định hướng nhóm sản phẩm thuộc trục sản phẩm quốc gia: **Cà phê, Hồ tiêu**, sản phẩm ưu tiên thấp hơn: Lúa, Cao su.

b. Đóng góp trực sản phẩm cấp tỉnh: Đối với các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh có tiềm năng phát triển quy mô lớn, tăng cường liên kết giữa các địa phương để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, áp dụng cơ giới hóa gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản; có chính sách, giải pháp và nguồn lực để mở rộng quy mô, chất lượng và thương hiệu sản phẩm để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực

quốc gia khi đủ điều kiện. Các sản phẩm đóng góp trực sản phẩm cấp tỉnh: **Bơ, chanh dây, chuối, măng tre, rau-củ-quả, dược liệu, chăn nuôi bò.**

c. Trục sản phẩm đặc sản địa phương: Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP Việt Nam trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu. Tập trung các sản phẩm **đặc sản, đặc trưng tại địa phương**, sản xuất ở quy mô phù hợp.

2.1.2. Hệ thống chuỗi giá trị sản phẩm

Xây dựng các chuỗi giá trị, bao gồm: Hộ gia đình; tổ chức kinh tế tại cộng đồng (HTX/công ty cổ phần); Doanh nghiệp chủ chốt, được hình thành và liên kết với nhau, từ đó thực hiện các chức năng: Sản xuất sơ cấp (trồng trọt/thu hái); Sản xuất thứ cấp (sơ chế, chế biến, đóng gói, bào chế công nghiệp); Kinh doanh.

2.2. Tái cơ cấu theo ngành hàng, lĩnh vực

2.2.1. Ngành trồng trọt:

2.2.1.1. Nhóm cây chủ lực:

a. Cà phê:

- Quy hoạch và hỗ trợ đầu tư xây dựng vùng sản xuất cà phê có tiêu chuẩn ổn định ở 2.375 ha.

- Diện tích ổn định đến hết 2025, tại các thôn trọng điểm (Ktu, Kop, Klot), năng suất bình quân đạt 3 tấn/ha và sản lượng đạt trên 7.000 tấn/năm.

- Thực hiện kế hoạch và chính sách hỗ trợ trồng tái canh 50 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp đến năm 2025.

- Thực hành các biện pháp thâm canh cà phê bền vững, đưa tỷ lệ cà phê có chứng nhận (GAP/Organic/4C/UTZ/RainForest,...) đạt 20% vào năm 2025 và 50% năm 2030.

- Tăng tỷ lệ cà phê được chế biến ở quy mô công nghiệp 10%, quy mô trung bình đạt 20% đến năm 2025; tăng tỷ lệ cà phê chế biến ướt từ 15% năm 2020 lên 30% năm 2025; áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật trong chế biến.

- Mở các cơ chế biến cà phê nhân và các dòng cà phê bột.

- Giá trị sản xuất cà phê theo giá hiện hành đạt 800 tỷ đồng năm 2025.

b. Hồ tiêu:

- Đến năm 2025, thâm canh trên 100ha hồ tiêu, tăng năng suất hồ tiêu bình quân đạt trên 35 tạ/ha và sản lượng đạt trên 300 tấn/năm.

- Thực hành các biện pháp thâm canh tiêu bền vững, đưa tỷ lệ tiêu có chứng nhận (GAP/Organic,...) đạt 40% vào năm 2025 và 80% năm 2030.

c. Cao su

- Đến năm 2025, duy trì ổn định diện tích cao su 432ha, phát triển tập trung tại các thôn: Ktu, Kop, năng suất 12,9 tạ/ha, sản lượng trên 500 tấn/năm (mủ khô)

- Cải tiến công nghệ, tạo cơ cấu sản phẩm hợp lý để nâng cao giá trị đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, trong đó mủ cốm SVR 3L, SVR 5L chiếm khoảng 40%, mủ kem 20%, mủ cao su kỹ thuật RSS, SR và SVR 10, SVR20 chiếm khoảng 40%.

d. Lúa

- Duy trì ổn định ở 244 ha đất trồng lúa, sản lượng thóc đạt trên 1.170 tấn/năm.

- Tăng diện tích gieo trồng lúa đặc sản, truyền thống của địa phương lên 100 ha đến năm 2025, tạo ra các sản phẩm hàng hóa từ các giống lúa này,...

2.2.1.2. Nhóm cây có tiềm năng cao (ưu tiên 1)

a. Dược liệu

- Xác định các loài cây dược liệu chủ lực có tiềm năng và dung lượng thị trường lớn (tập trung loài cây lấy củ từ 3-5 loại), diện tích đạt 50 ha, sản lượng đạt 25 tấn/năm.

- Hình thành 01 chuỗi giá trị từ dược liệu (liên kết chặt chẽ, bền vững), chủ thể kinh tế đầu chuỗi là các Hợp tác xã tại cộng đồng (từ 1-2 Hợp tác xã).

- Tạo ra các sản phẩm từ dược liệu đạt chứng nhận OCOP (dự kiến 2-3 sản phẩm)

b. Măng tre:

Dự kiến đến năm 2025 toàn xã có 30 ha măng tre, sản lượng đạt trên 1.500 tấn/năm. Vùng sản xuất canh tập trung ở thôn Kop.

- Hình thành chuỗi giá trị từ măng tre (liên kết chặt chẽ, bền vững), chủ thể kinh tế đầu chuỗi là các Hợp tác xã tại cộng đồng (từ 1-2 Hợp tác xã).

- Tạo ra các sản phẩm từ măng tre đạt chứng nhận OCOP (dự kiến 2-3 sản phẩm)

c. Cây ăn quả

Đến năm 2025 toàn xã có trên 300 ha cây ăn quả, sản lượng đạt trên 900 tấn/năm. Trong đó, tập trung một số loại cây trồng chính như: sầu riêng Bơ, chanh dây chuối và một số cây có múi.

2.2.1.3. Nhóm cây có tiềm năng trung bình (ưu tiên 2)

a. *Khoai lang*: Duy trì diện tích đạt 20 ha, sản lượng đạt trên 180 tấn/năm, trong đó 70% cung cấp nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp thực phẩm và tiêu dùng khác 30%.

b. *Ngô*:

- Diện tích trồng ngô ổn định 5 ha, sản lượng đạt trên 22 tấn/năm.

- Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất thức ăn chăn nuôi, duy trì diện tích sử dụng giống ngô lai ở mức trên 95%.

c. *Sắn (Mỳ)*: Duy trì diện tích trồng sắn đạt 100 ha, sản lượng từ 1.600 tấn/năm, trong đó 70% cung cấp nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp thực phẩm và tiêu dùng thức ăn chăn nuôi, khác 30%.

2.2.2 Ngành chăn nuôi

2.2.2.1. Nhóm có tiềm năng

a. *Bò thịt*:

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò theo hướng sản xuất hàng hóa; tập trung cải tạo nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn bò thịt. Phát huy thế mạnh, tiềm năng của địa phương, kết hợp với trồng cỏ với chăn thả tự nhiên để phát triển đàn bò lai lấy thịt theo hướng tập trung.

- Đến năm 2025, tổng đàn bò duy trì đạt 1200 con, sản lượng đạt trên 90 tấn/năm.

b. *Lợn*:

- Chuyển dịch mạnh phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong nông hộ sang chăn nuôi tập trung từ quy mô trang trại đến công nghiệp đến năm 2025 chăn nuôi lợn tập trung chiếm 50% tổng sản lượng thịt trên toàn xã.

- Đến năm 2025 tổng đàn lợn đạt 1900 con/năm, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 200tấn/năm.

c. *Gia cầm*:

- Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao; nghiên cứu phát triển ở quy mô vừa phải, phù hợp với khả năng tài chính, quản lý và xử lý môi

trường. Khuyến khích loại hình sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị.

- Tổng đàn gia cầm duy trì đạt 5.000 con, sản lượng thịt đạt trên 1 tấn/năm.

2.2.2.2. Chăn nuôi khác:

Xây dựng các mô hình con nuôi đặc sản như nuôi dê, dúi, thỏ,... gắn với mô hình trang trại. Đây là mô hình chăn nuôi có hiệu quả cần được nhân rộng, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của nhà hàng, khách sạn, khách du lịch, tăng thu nhập cho người lao động. Đưa số lượng và giá trị sản phẩm chăn nuôi khác 2021 - 2025 gấp 3 - 5 lần hiện nay.

2.2.3. Ngành lâm nghiệp

- Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới với cơ cấu diện tích đất lâm nghiệp ổn định đến năm 2025 khoảng 1.700 ha, chiếm khoảng 26% tổng diện tích tự nhiên toàn xã. Triển khai có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với chính sách đồng quản lý rừng.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển rừng, phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng chung đạt 42% (kể cả cây thân gỗ lâu năm, cây cao su, cây phân tán, cây che bóng, cây ăn quả)

- Khai thác rừng trồng đạt 15 ha/năm.

- Diện tích rừng trồng đạt 30 ha/năm.

2.2.4. Ngành thủy sản

2.4.1. Định hướng phát triển

- Từ nay đến năm 2025, tiếp tục phát triển nuôi cá trắm, mè, rô phi và các loài thủy sản khác.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất ngành thủy sản cả giai đoạn 2021-2025 đạt 15% so với năm 2020. Tỷ trọng chiếm 1% năm đến 2025 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Đến năm 2025 tổng diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì khoảng 4 ha, trong đó diện tích bao gồm: ao hồ nhỏ, ruộng trũng,... hoặc khai thác tự nhiên 5 ha.

3. Triển khai các hoạt động và dự án ưu tiên:

Trước mắt tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình sản xuất nông nghiệp trọng điểm theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ. Chủ động rà soát, xác định lợi thế, thế mạnh trong sản xuất

nông nghiệp trên địa bàn để có định hướng chỉ đạo phát triển phù hợp, phát huy hiệu quả của chính sách phát triển nông nghiệp tại địa phương; xây dựng các chương trình, đề án, dự án cụ thể về phát triển sản xuất để chỉ đạo triển khai thực hiện thống nhất từ xã đến thôn.

4. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch và củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý nhà nước.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quy hoạch về nông lâm nghiệp, thủy sản.

- Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, chăn nuôi thú y và bảo vệ thực vật từ cấp xã đến cấp thôn nhằm phục vụ tốt nhất về hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cho người nông dân trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Tập trung hướng dẫn, đổi mới phát triển mạnh hệ thống dịch vụ công theo chuỗi giá trị sản phẩm (từ giống, thức ăn chăn nuôi, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, kiểm tra chất lượng nông sản, thị trường tiêu thụ..).

- Tăng cường năng lực cho hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm (con người và trang thiết bị) đối với vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng và nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để kịp thời tổ chức phòng, chống, dập dịch, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

5. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chủ động kiểm soát dịch hại và đẩy nhanh cơ giới hoá vào sản xuất, bảo quản, chế biến

- Tập trung tạo bước chuyển mạnh mẽ trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhất là đối với doanh nghiệp; trước mắt, tập trung vào một số lĩnh vực mũi nhọn: Giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, công nghệ cao, công nghệ sinh học, đổi mới công nghệ sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, quy trình sản xuất hiện đại, như: Chăn nuôi lợn, bò thịt, nuôi cá lồng bè; chuyển giao công nghệ xử lý môi trường trong chăn nuôi quy mô nhỏ; áp dụng quy trình sản xuất VietGAP; hình thành các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, làm hạt nhân lan tỏa, thúc đẩy chuyển giao khoa học, công nghệ cho các vùng sản xuất thâm canh.

- Ưu tiên phát triển công nghệ bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp liên kết phát triển sản xuất với người dân theo chuỗi sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ sinh học để chủ động kiểm soát dịch hại trên cây trồng, vật nuôi, chế biến nông sản và xử lý môi trường. Sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong lập, quản lý quy hoạch, quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng...

6. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đổi mới chương trình, phương pháp dạy học đẩy mạnh hình thức đào tạo thực hành, thực tế, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề; chú trọng, ưu tiên đào tạo các nghề phục vụ trực tiếp các chương trình nông nghiệp trọng điểm, các làng nghề; các ngành, nghề chính, thiết thực theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Lựa chọn đúng đối tượng học nghề, đủ điều kiện áp dụng kiến thức nghề sau khi học, góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

7. Tăng cường liên doanh, liên kết và sự tham gia của “4 nhà” và nâng cấp chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp

- Từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp của địa phương, gắn với thương hiệu và kết nối thị trường, theo hướng: Khuyến khích, hỗ trợ kinh tế hộ nông dân hình thành các trang trại, nông hội, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ các cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản thành lập doanh nghiệp, chủ động gắn kết với sản xuất của hộ nông dân; thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất hình thành các chuỗi giá trị, hoặc liên kết một số khâu.

- Tăng cường liên kết trong sản xuất:

+ Liên kết giữa những người sản xuất: Các hộ gia đình góp vốn, ruộng đất hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã, phát triển sản xuất theo hướng vùng sản xuất tập trung thâm canh, quy mô lớn, ... nhằm phát huy lợi thế trong ứng dụng cơ giới hóa, quy trình sản xuất tiên tiến, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là thực hiện tốt khâu tiêu thụ.

+ Liên kết giữa doanh nghiệp với người sản xuất, theo hướng phát triển cả 03 loại hình: Quy mô lớn, vừa và nhỏ; ưu tiên hỗ trợ phát triển liên kết với sản xuất nông hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Doanh nghiệp cung ứng đầu vào (giống, vật tư, quy trình kỹ thuật), tổ chức đầu ra (thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm), đảm bảo phân chia hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia.

+ Liên kết vùng và sự tham gia của “4 nhà”:

Liên kết với các cấp, các ngành ở địa phương với các doanh nghiệp và tổ chức nông dân nhằm tạo sự đồng thuận, thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

8. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quản lý chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể:

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu các thị trường, xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hóa cụ thể.

- Tiếp tục hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông sản như cà phê, tiêu, cây có múi, khoai lang, măng,...

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm nông sản; khuyến khích nhân rộng mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi, áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP, ISO, HACCP...)

- Chú trọng phát triển các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động sản xuất chuyên ngành, phát triển hợp tác xã đa dịch vụ gắn với cung ứng dịch vụ nông nghiệp tổng hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm từ cung cấp dịch vụ đầu vào (làm đất, giống, vật tư nông nghiệp... đến chế biến và phát triển thị trường, hỗ trợ tín dụng nội bộ cho các thành viên); tăng cường sự liên kết, tham gia của các tổ chức (Hội Nông dân, Hiệp hội các doanh nghiệp, Liên minh hợp tác xã, Ngân hàng chính sách,...).

- Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Hợp tác xã; tăng cường sự lãnh, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền để giúp các hợp tác xã tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức hoạt động có hiệu quả.

9. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung đảm bảo tính khả thi và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức và tạo được sự đồng thuận trong cán bộ và người dân nông thôn tham gia thực hiện Chương trình; phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt cơ chế lồng ghép, khuyến khích huy động các nguồn lực đầu tư xã hội trong xây dựng nông thôn mới, coi trọng các nguồn lực tại chỗ, với quan điểm: Nguồn lực từ cộng đồng, trách nhiệm người dân là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức và xã hội là quan trọng, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết tạo điều kiện thúc đẩy, huy động các nguồn lực trong dân.

10. Triển khai Chương trình OCOP

- Phấn đấu đến năm 2025 xã có 5 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong có 01 sản phẩm đạt 4 sao.

- Triển khai 01 mô hình về xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh về măng tre gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ; chuỗi liên kết sản xuất vùng nguyên liệu cà phê đặc sản gắn liền với phương thức canh tác măng tre không dùng hóa chất; mô hình về xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP xanh về măng tre gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ; sản xuất và chế biến Măng Vân Long.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình OCOP thường niên; hỗ trợ sản xuất sản phẩm OCOP, sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung có ứng dụng khoa học công nghệ; triển khai các dự án liên kết sản xuất tiêu thụ, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung; cùng với đó, siết chặt quản lý sử dụng tem, nhãn sản phẩm tham gia chương trình OCOP, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định theo Bộ tiêu chí sản phẩm OCOP, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng.

11. Về huy động nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tập trung huy động, thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tạo điều kiện thúc đẩy, huy động các nguồn lực đầu tư xã hội, phát huy nội lực từ chính người nông dân và sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức; đẩy các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Tiếp tục vận động, thu hút đầu tư công, các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu; trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho các dự án: Phát triển giống cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp; ứng dụng khoa học kỹ thuật, khu nông nghiệp công nghệ cao; Công trình thủy lợi đa mục tiêu phục vụ tưới, tiêu, nuôi thủy sản, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất nông nghiệp; công trình thủy lợi đầu mối, thủy lợi gắn với giao thông nội đồng tạo điều kiện đưa cơ giới hóa vào sản xuất; dự án tưới nước tiết kiệm.

12. Rà soát, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng tích cực:

- Chủ động triển khai cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của nhà nước về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã; có cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư vào phát triển nông sản hàng hóa gắn với nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi, thủy sản quy mô nông hộ an toàn dịch bệnh; phát triển trang trại chăn nuôi, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Tiếp tục rà soát đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách, thủ tục hỗ trợ các chương trình nông nghiệp trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất bền vững.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp. Đổi mới cơ chế, thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

13. Kiểm tra, giám sát và đánh giá: Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá về các nội dung thực hiện trong đề án, bám sát quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong Đề án và các kết quả đạt được từ các dự án thành phần; Đánh giá hiệu quả và tác động của Đề án nhằm tổng kết các bài học kinh nghiệm, quản trị các rủi ro trong những giai đoạn tiếp theo của Đề án.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện bao gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ và nguồn kinh phí huy động. Cụ thể:

- Ngân sách nhà nước: từ nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất, khoa học công nghệ, khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại, các chương trình mục tiêu, các nguồn vốn lồng ghép khác từ Trung ương và địa phương.

Trên cơ sở Đề án phê duyệt, hàng năm UBND xã đăng ký chương trình, kế hoạch, dự án đề xuất huyện phân bổ nguồn vốn triển khai thực hiện.

- Kinh phí huy động: từ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ sản xuất tự huy động, kêu gọi đầu tư, nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Đề án (được thành lập tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2022 của UBND xã về việc thành lập Ban chỉ đạo Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã Kon Gang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030):

- Tham mưu UBND xã chỉ đạo thực hiện các nội dung của Kế hoạch, Đề án; Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện với UBND huyện.

- Triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày .../.../2022 của UBND huyện về việc ban hành quy chế hoạt động và phân công

nhiệm vụ Ban chỉ đạo Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã Kon Gang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Công chức Địa chính-Nông nghiệp-Xây dựng và Môi trường:

- Chủ trì tham mưu chương trình, kế hoạch công tác giai đoạn, hàng năm của Ban Chỉ đạo Đề án; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy thực hiện Đề án; đề xuất sửa đổi, bổ sung kế hoạch thực hiện Đề án khi cần thiết.

- Tham mưu việc chỉ đạo triển khai, thực hiện Đề án và xử lý công việc thường xuyên liên quan.

- Tổng hợp, tham mưu báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Đề án.

- Theo dõi, báo cáo về sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, các thôn làng và các tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện Đề án.

- Tham mưu phát triển mạnh các loại hình sản xuất quy mô vừa và nhỏ liên kết giữa các hộ nông dân với các doanh nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông hội, tổ liên kết.

- Tham mưu rà soát kiểm tra chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững.

- Tham mưu chỉ đạo tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, khoa học công nghệ, phát triển thị trường nông lâm thủy sản; tăng cường thông tin, dự báo thị trường để định hướng sản xuất trên địa bàn phù hợp với nhu cầu và xu hướng tiêu dùng; đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tham mưu UBND xã hàng năm ưu tiên bố trí vốn khoa học công nghệ từ ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp thực hiện nội dung Đề án.

- Tham mưu triển khai các chương trình, dự án nông nghiệp trên địa bàn gắn với triển khai Đề án; tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật; chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sản phẩm cho người dân trên địa bàn; xây dựng vườn ươm cây giống, con giống đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn cho nhân dân sản xuất; thực hiện cung ứng các dịch vụ nông nghiệp về giống, vật tư, thuốc BVTV, thuốc thú ý, tư vấn, triển khai các nhiệm vụ khuyến nông, khuyến công, khoa học công nghệ trên địa bàn.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm soát hàng hóa, chống gian lận thương mại; nghiên cứu, triển khai các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, lưu thông và tiêu thụ nông lâm thủy sản.

3. Công chức Tài chính – Kế toán:

- Tham mưu nguồn kinh phí giai đoạn, hàng năm đảm bảo triển khai thực hiện Đề án; tham mưu triển khai lồng ghép có hiệu quả các Chương trình, Dự án trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, đề xuất các giải pháp thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài địa bàn xã triển khai Đề án.

- Triển khai các chương trình tín dụng phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, theo các nội dung tại Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Và các nguồn vốn tín dụng khác phục vụ phát triển nông nghiệp.

4. Công chức Văn hóa – xã hội:

- Tham mưu đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ các cấp, các ngành và nhân dân góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Tham mưu UBND xã triển khai các dự án phát triển du lịch kết hợp phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã.

- Thực hiện công tác tuyên truyền về nội dung Đề án, chủ trương, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ các cấp, các ngành và nhân dân góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án trên các phương tiện đại chúng, thông tin rộng rãi trên loa đài, đài truyền thanh xã, xã; treo băng rôn, khẩu hiệu, pano tuyên truyền theo quy; ghi hình ảnh, đưa tin về các chương trình, dự án tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn xã.

- Tham mưu tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp theo hướng ưu tiên nâng cao chất lượng nghề, đào tạo chuyển đổi nghề gắn với triển khai Đề án và phù hợp với thị trường lao động.

- Tham mưu triển khai các chính sách thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS gắn với triển khai Đề án.

5. Công chức Văn Phòng – Thống kê:

- Tham mưu tổ chức các cuộc họp định kỳ, hoặc đột xuất liên quan đến triển khai thực hiện Đề án. Tổ chức việc ghi biên bản các phiên họp và ký văn bản thông báo kết luận của Trưởng ban, Phó trưởng ban Thường trực trong các phiên họp Ban chỉ đạo và các văn bản khác theo quy định khi đồng chí Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban thường trực giao.

- Tham mưu chỉ đạo kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức Ban chỉ đạo đảm bảo tinh gọn, đồng bộ, thông suốt, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

6. Kiểm Lâm địa bàn:

- Tham mưu thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của xã; thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các

tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư vốn trồng rừng sản xuất, áp dụng cơ chế hỗ trợ trồng rừng sản xuất phù hợp để khuyến khích mọi thành phần tham gia trồng rừng để phát triển kinh tế; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, giao đất giao rừng, tạo sinh kế và trồng rừng gắn với triển khai Đề án.

7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và lãnh đạo các hội, đoàn thể xã:

- Tăng cường vận động toàn dân tham gia Đề án, góp phần chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của MTTQ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án cho hội viên, đoàn viên, tạo sự chuyển biến nhận thức của các tầng lớp nhân dân về tái cơ cấu ngành nông nghiệp và vận động tham gia thực hiện tốt nội dung Đề án. .

8. Trưởng thôn các thôn làng:

- Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án đề ra

- Vận động nhân dân phát triển sản xuất theo hướng lựa chọn sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực, có lợi thế và ưu tiên phát triển; tuyên truyền, vận động, khuyến khích nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Chú trọng vận động nhân dân phát triển mạnh các loại hình sản xuất quy mô vừa và nhỏ liên kết giữa các hộ nông dân với các doanh nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông hội, tổ liên kết.

9. Các doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ

- Tăng cường đầu tư xây dựng các cơ sở thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong vùng quy hoạch.

- Hỗ trợ nông dân trong việc đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu thông qua ký kết hợp đồng đầu tư và thu mua sản phẩm.

- Thành lập các điểm thu mua tại các vùng sản xuất tập trung để thu mua hết và kịp thời các nông sản hàng hóa cho nông dân thông qua ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản với giá cả hợp lý.

10. Các HTX, doanh nghiệp, nông hội, tổ hợp tác, trang trại và hộ nông dân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương chính sách của Nhà nước và trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh bám sát quan điểm, nội dung của Đề án tái cơ cấu này. Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng tái cơ cấu chung của huyện, nhất là các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân nằm trong vùng sản

xuất hàng hóa tập trung, vùng dự án đầu tư. Chủ động phối kết hợp với các nhà đề
nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng sản phẩm hàng hóa.

- Các chủ thể kinh tế, thực hiện có hiệu quả phát triển hợp tác, liên kết sản
xuất gắn với tiêu thụ nông sản, sản phẩm. Phát huy tốt vai trò là chủ trì liên kết đại
diện cho nông dân theo đúng chủ trương chính sách của nhà nước, quy định tại
Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về Chính sách
khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông
nghiệp và các chính sách hiện hành khác đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp xã Kon
Gang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; UBND xã yêu cầu các
thành viên Ban chỉ Đạo xác định nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp là nhiệm
vụ trọng tâm, thường xuyên của đơn vị mình và phải tích cực để hoàn thành các
mục tiêu, nhiệm vụ đề ra./.

Nơi nhận:

- Phòng NN&PTNT huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN và các hội, đoàn thể xã;
- Thành viên Ban chỉ đạo Đề án;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Hảo